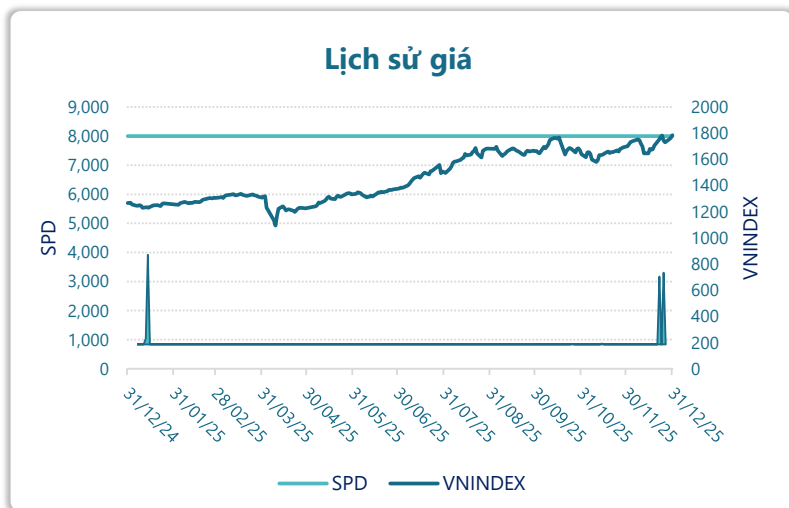


CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (UPCOM: SPD)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,000
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
P/E	12.8
EPS	625

DT thuần
Q4/25

209

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.0 | -5.7%

YoY: ▼2.00 | -0.8%

LN sau thuế
Q4/25

3.16

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.19 | -5.6%

YoY: ▼1.66 | -34.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

2.6%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần
2025

825

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 100 | 13.8%

LN sau thuế
2025

7.50

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.85 | -10.1%

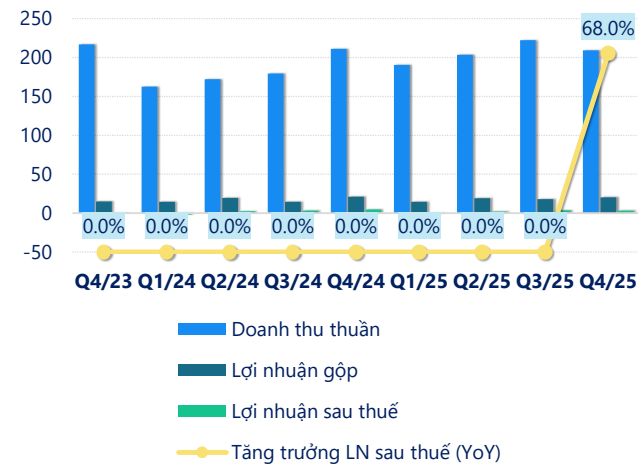
ROE
2025

5.5%

+/- YoY: ▼ 1.0%

tỷ VNĐ

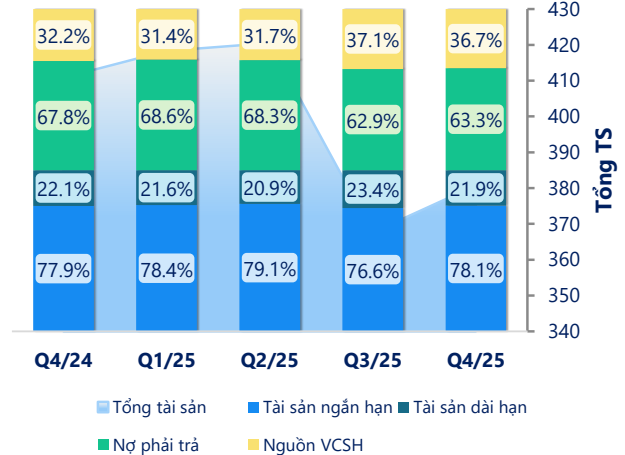
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

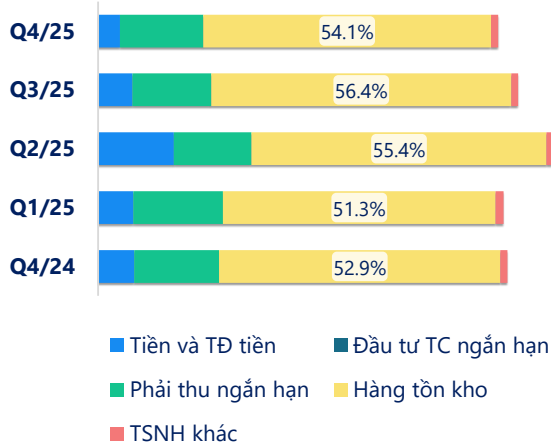
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



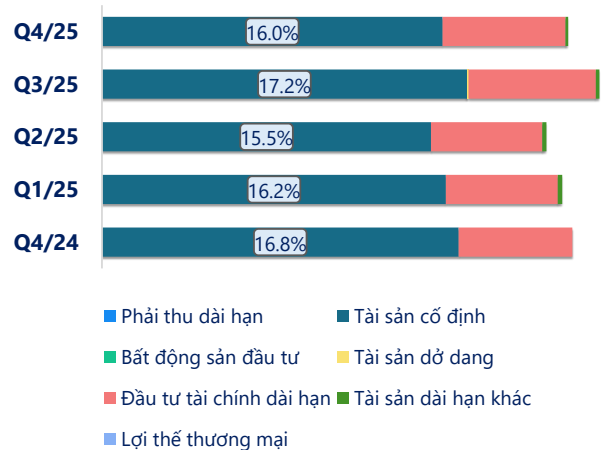
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

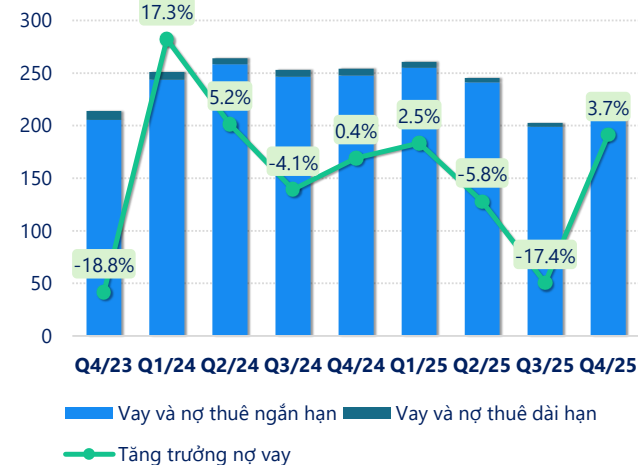
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

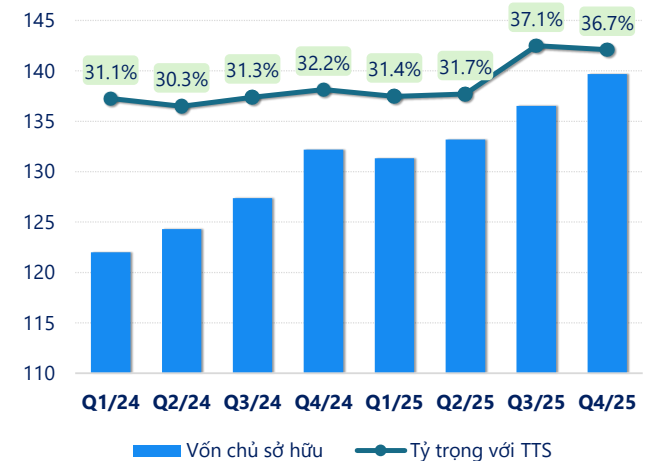
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

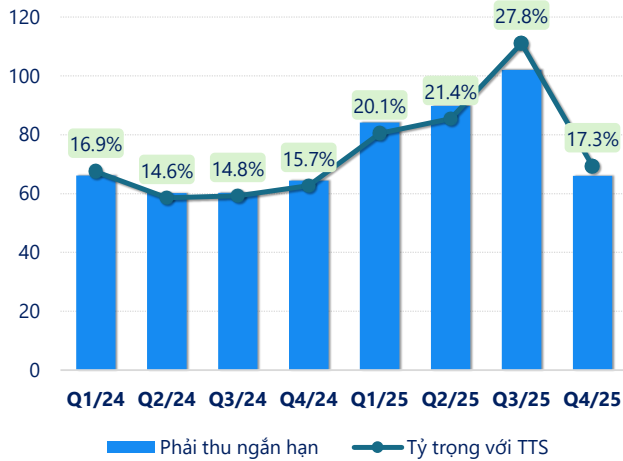
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



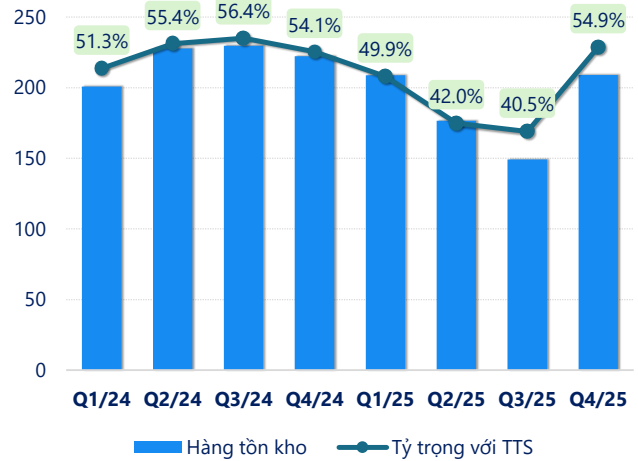
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


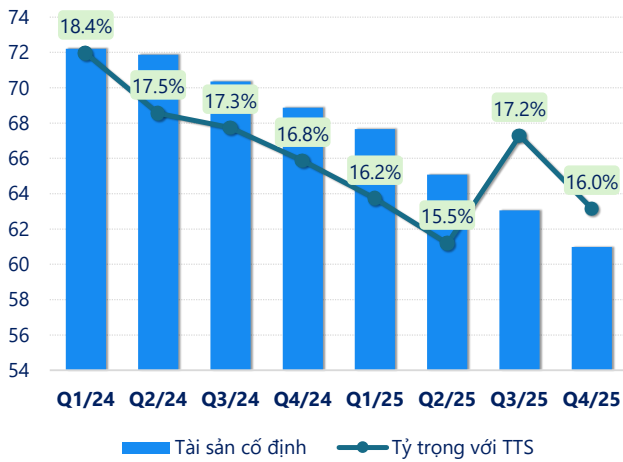
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


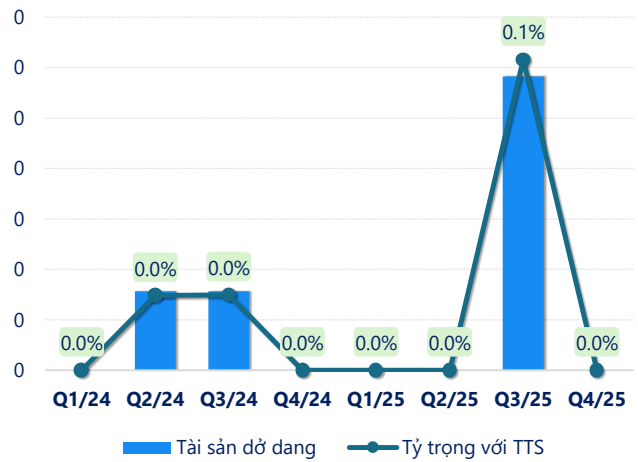
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

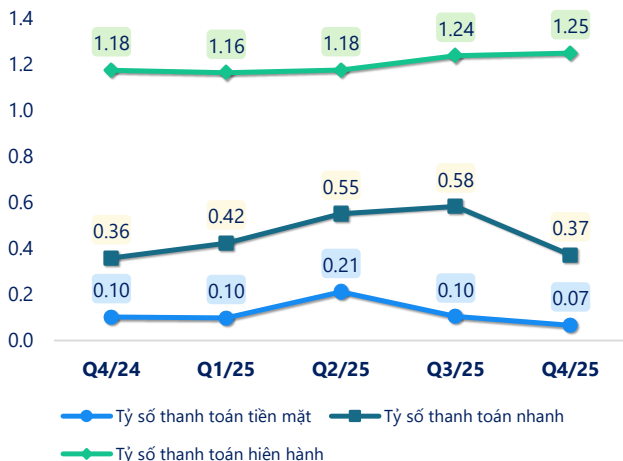
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

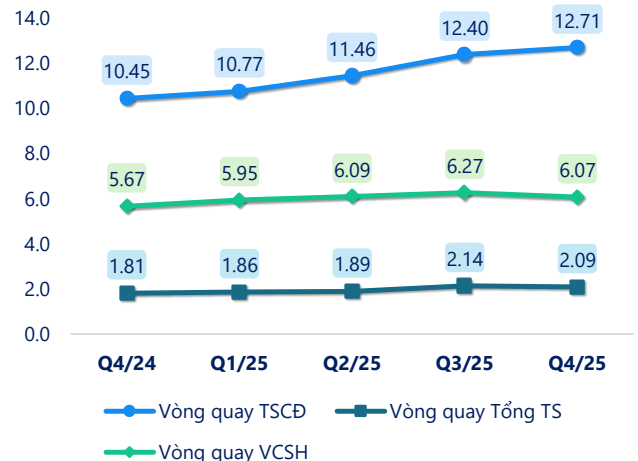
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	411	418	421	368	381
Tài sản ngắn hạn	320	328	333	282	297
Tiền và tương đương tiền	27.8	27.7	59.9	23.8	15.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	64.4	84.2	89.8	102	66.0
Hàng tồn kho	222	209	177	149	209
Tài sản ngắn hạn khác	5.47	7.10	6.43	6.72	6.52
Tài sản dài hạn	90.9	90.5	87.9	86.0	83.4
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	68.9	67.7	65.1	63.1	61.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.29	0
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	22.0	22.0	22.0	22.0
Tài sản dài hạn khác	0	0.87	0.80	0.63	0.46
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	279	287	287	231	241
Nợ ngắn hạn	272	282	283	227	238
Vay và nợ thuê ngắn hạn	248	255	241	199	207
Phải trả người bán ngắn hạn	4.63	17.8	30.7	9.41	7.70
Nợ dài hạn	6.38	5.39	4.39	3.63	3.11
Vay và nợ thuê dài hạn	6.38	5.39	4.39	3.63	3.11
Nguồn vốn chủ sở hữu	132	131	133	137	140
Vốn chủ sở hữu	132	131	133	137	140
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)